

Số: 28 /2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Công văn số 210/HĐND-KTNS ngày 17/8/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *th*

- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Công thông tin điện tử Chính phủ ;
- Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- Bộ tư lệnh Quân khu 9;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh; ✓
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Lam. 30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *th*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa

QUY ĐỊNH

Hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất theo Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, để tính giá đất thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định làm cơ sở để xác định hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định này là giá đất theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2015 (Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND).

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND, thì giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định để tính hệ số điều chỉnh giá đất là giá đất theo Quyết định đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Điều 2. Các trường hợp áp dụng và đối tượng áp dụng

1. Hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng để xác định tiền sử dụng đất trong các trường hợp quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, cụ thể như sau:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng để xác định đơn giá thuê đất trong các trường hợp quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo.

c) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đối với thành phố Mỹ Tho:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	Tên đường			
1	Lê Lợi	30/4	Thủ Khoa Huân	1,2
		Thủ Khoa Huân	Ngô Quyền	1,2
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	1,2
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	1,1
2	Đường 30/4	Trộn đường		1,2
3	Thiên Hộ Dương	Trộn đường		1,0
4	Rạch Gầm	Trung Trắc	Lê Lợi	1,2
		Lê Lợi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,1

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
5	Huyện Thoại	Trộn đường		1,0
6	Thủ Khoa Huân	Cầu Quay	Lê Lợi	1,2
		Lê Lợi	Hùng Vương	1,2
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,2
7	Lý Công Uẩn	Trộn đường		1,2
8	Lê Văn Duyệt	Công chợ	Lê Lợi	1,2
		Lê Lợi	Trương Định	1,1
9	Lê Đại Hành	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	1,2
		Lê Lợi	Hùng Vương	1,2
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,2
10	Lê Thị Phi	Trộn đường		1,2
11	Ngô Quyền	Nguyễn Tri Phương	Hùng Vương	1,2
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,2
12	Nguyễn Trãi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hùng Vương	1,2
		Hùng Vương	Cầu Nguyễn Trãi	1,2
13	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	Hùng Vương	1,1
		Hùng Vương	Trần Quốc Toản	1,1
		Trần Quốc Toản	Khu bên trái cây	1,1
14	Trung Trắc	30/4	Thủ Khoa Huân	1,2
		Thủ Khoa Huân	Lê Thị Phi	1,2
		Lê Thị Phi	Ngô Quyền	1,2
15	Võ Tánh (Nam), Võ Tánh (Bắc)	Trộn đường		1,2
16	Lãnh Binh Cẩn	Trộn đường		1,0
17	Nguyễn Bình Khiêm	Trộn đường		1,0
18	Trương Định	30/4	Thủ Khoa Huân	1,0
		Thủ Khoa Huân	Lê Văn Duyệt	1,0
19	Nguyễn Huệ	Lý Công Uẩn	Lê Thị Phi	1,2
		Lê Thị Phi	Ngô Quyền	1,2
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	1,1
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	1,1
20	Hùng Vương	Rạch Gầm	Nguyễn Tri Phương	1,2
		Cầu Hùng Vương	Đường huyện 92C, Đường huyện 89	1,2
		Đường huyện 92C, Đường huyện 89	Quốc lộ 50	1,1
21	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nguyễn Trãi	30/4	1,2
		30/4	Bờ Sông Tiên	1,1
22	Huỳnh Tịnh Của	Trộn đường		1,0

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
23	Phan Hiến Đạo	Trộn đường		1,0
24	Trương Vĩnh Ký	Trộn đường		1,0
25	Lê Văn Thạnh	Trộn đường		1,0
26	Giồng Dứa	Trộn đường		1,0
27	Trần Quốc Toàn	Trộn đường		1,1
28	Yersin	Trộn đường		1,1
29	Tết Mậu Thân	Trộn đường		1,1
30	Đường nối từ đường Tết Mậu Thân đến Đồng Đa (hẻm 199 – khu phố 5 – phường 4)			1,0
31	Đồng Đa	Lý Thường Kiệt	Áp Bắc	1,0
32	Đồng Đa nối dài	Áp Bắc	Cầu Triển Lãm	1,1
33	Trần Hưng Đạo	Áp Bắc	Lý Thường Kiệt	1,2
		Lý Thường Kiệt	Lê Thị Hồng Gấm	1,1
		Lê Thị Hồng Gấm	Bờ Sông Tiên	1,0
34	Dương Khuy	Trộn đường		1,0
35	Lý Thường Kiệt	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trần Hưng Đạo	1,2
		Trần Hưng Đạo	Áp Bắc	1,2
36	Đường nội bộ khu dân cư Sao Mai			1,0
37	Đoàn Thị Nghiệp	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Thập	1,0
		Nguyễn Thị Thập	Đường tỉnh 870B	1,0
		Đoạn nối dài		1,0
38	Lộ Tập đoàn	Trộn đường		1,0
39	Trần Ngọc Giải	Lý Thường Kiệt	Phan Lương Trục	1,0
		Phan Lương Trục	Nguyễn Thị Thập	1,0
40	Phan Lương Trục	Lê Văn Phẩm	Trần Ngọc Giải	1,0
		Trần Ngọc Giải	Kênh Xáng cụt	1,0
41	Lê Văn Phẩm	Nguyễn Thị Thập	Phan Lương Trục	1,1
		Phan Lương Trục	Lý Thường Kiệt	1,1
		Đoạn nối dài từ Nguyễn Thị Thập đến ranh xã Trung An		1,0
42	Lê Thị Hồng Gấm	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bến phà (đường xuống phà)	1,2
		Bến phà (đường xuống phà)	Trường Chính Trị	1,2
		Đường xuống phà		1,0
		Đường lên phà		1,0
43	Khu vực chợ Vòng nhỏ - phường 6			1,1

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
44	Áp Bắc	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trần Hưng Đạo	1,2
		Trần Hưng Đạo	Cầu Đạo Ngạn	1,2
		Cầu Đạo Ngạn	Cầu Trung Lương	1,1
		Cầu Trung lương	Vòng xoay Trung lương	1,1
45	Hoàng Việt	Áp Bắc	Lý Thường Kiệt	1,0
46	Trừ Văn Thố	Hoàng Việt	Lý Thường Kiệt	1,0
47	Hồ Văn Nhánh	Áp Bắc	Nguyễn Thị Thập	1,0
48	Nguyễn Thị Thập	Lê Thị Hồng Gấm	Lê Văn Phẩm	1,1
		Lê Văn Phẩm	Áp Bắc	1,1
49	Đường vào và đường nội bộ khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng			1,0
50	Quốc lộ 1	Từ cầu Bến Chùa	Đường huyện 93	1,0
		Đoạn còn lại thuộc Mỹ Tho		1,0
51	Phan Thanh Giản	Cầu Quay	Thái Văn Đẩu	1,0
		Cầu Quay	Học Lạc	1,0
		Học Lạc	Hoàng Hoa Thám	1,0
52	Trịnh Hoài Đức	Học Lạc	Cô Giang	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
53	Độc Binh Kiều	Đình Bộ Lĩnh	Nguyễn An Ninh	1,0
		Đình Bộ Lĩnh	Học Lạc	1,0
		Học Lạc	Hoàng Hoa Thám	1,0
54	Nguyễn An Ninh	Trộn đường		1,0
55	Phan Bội Châu	Trộn đường		1,0
56	Nguyễn Huỳnh Đức	Thái Văn Đẩu	Đình Bộ Lĩnh	1,0
		Đình Bộ Lĩnh	Học Lạc	1,0
		Học Lạc	Nguyễn Văn Giác	1,0
57	Nguyễn Văn Nguyễn	Trộn đường		1,0
58	Thái Sanh Hạnh	Trộn đường		1,0
59	Đường nội bộ khu dân cư phường 9 (gò Ông Giã)			1,0
60	Thái Văn Đẩu	Trộn đường		1,0
61	Phan Văn Trị	Trộn đường		1,0
62	Cô Giang	Trộn đường		1,0
63	Ký Con	Trộn đường		1,0
64	Đình Bộ Lĩnh	Cầu Quay	Nguyễn Huỳnh Đức	1,2
		Nguyễn Huỳnh Đức	Thái Sanh Hạnh	1,1
		Thái Sanh Hạnh	Ngã ba Quốc lộ 50	1,0
65	Đường vào Cảng cá	Trộn đường		1,0

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
66	Học Lạc	Phan Thanh Giản	Nguyễn Huỳnh Đức	1,0
		Nguyễn Huỳnh Đức	Nguyễn Văn Nguyễn	1,1
		Nguyễn Văn Nguyễn	Thái Sanh Hạnh	1,0
67	Hoàng Hoa Thám	Trộn đường		1,0
68	Trần Nguyên Hãn	Nguyễn Huỳnh Đức	Quốc lộ 50	1,0
		Quốc lộ 50	Cầu Gò Cát	1,0
69	Đường tỉnh 879B	Cầu Gò Cát	Đường huyện 89	1,0
		Đường huyện 89	Ranh Chợ Gạo	1,0
70	Nguyễn Văn Giác	Trộn đường		1,0
71	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Huỳnh Đức	Cầu Vĩ	1,0
		Cầu Vĩ	Quốc lộ 50	1,0
72	Đường tỉnh 879	Quốc lộ 50	Cầu Long Hòa	1,0
		Cầu Long Hòa	Ranh Chợ Gạo	1,0
73	Khu chợ Phường 4			1,1
74	Quốc lộ 50	Ngã ba giao đường Đình Bộ Lĩnh	Cổng ranh ấp Phong Thuận và Tân Tinh	1,0
		Cổng ranh ấp Phong Thuận và Tân Tinh	Cổng số 5 ấp Tân Tinh	1,0
		Cổng số 5 ấp Tân Tinh	Ranh huyện Chợ Gạo	1,0
75	Quốc lộ 50 (tuyến tránh TP. Mỹ Tho)	Quốc lộ 1	Cổng Bảo Định	1,0
		Trên địa bàn 2 xã Đạo Thạnh và Mỹ Phong		1,0
		Trên địa bàn phường 9		1,0
76	Đường Bắc từ Tân Thuận - Tân Hòa, phường Tân Long			1,0
77	Đường Nam và đoạn còn lại của đường Bắc, phường Tân Long			1,0
78	Đường tỉnh 870B	Trộn đường		1,0
79	Đường tỉnh 864	Đoạn qua thành phố Mỹ Tho		1,0
80	Các đường trong khu dân cư Bình Tạo	Đường chính vào khu dân cư Bình Tạo (từ đường tỉnh 870B và 864 đi vào)		1,0
		Đường phụ khu dân cư Bình Tạo		1,0
81	Đường huyện 92	Nguyễn Minh Đường	Quốc lộ 1	1,0
82	Đường huyện 92B	Quốc lộ 50	Bia Thành Đội	1,0
83	Đường huyện 92C	Cầu Triển Lãm	Ngã tư Hùng Vương	1,0
84	Đường huyện 92D	Cầu Đạo Thạnh	Quốc lộ 50	1,0
85	Đường huyện 92E	Đường huyện 92	Sông Bảo Định	1,0
86	Đường huyện 94	Đường tỉnh 870B	Rạch Cái Ngang	1,0
87	Đường huyện 94B	Nguyễn Thị Thập	Đường tỉnh 870B	1,0

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
88	Đường huyện 89	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	1,0
		Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 50	1,0
		Quốc lộ 50	Đường tỉnh 879B	1,0
89	Đường huyện 90	Đường huyện 89	Quốc lộ 50	1,0
		Quốc lộ 50	Ranh Chợ Gạo	1,0
90	Trần Thị Thơm	Trộn đường		1,0
91	Nguyễn Quân	Áp Bắc	Cầu Đạo Thạnh	1,0
92	Đường huyện 86	Quốc lộ 50	Sông Tiền	1,0
93	Đường huyện 86B	Quốc lộ 50	Kênh Bình Phong	1,0
94	Đường huyện 86C	Quốc lộ 50	Kênh Bình Phong	1,0
95	Đường huyện 86D	Quốc lộ 50	Sông Tiền	1,0
96	Nguyễn Ngọc Ba (đường cấp Trường Chính trị tỉnh)			1,0
97	Đường Xóm Dầu (phường 3)			1,0
98	Đường liên khu phố 6 - khu phố 7, phường 5			1,0
99	Đường vào Trường Học Lạc	Nguyễn Văn Nguyễn	Công khu phố 6-7	1,0
		Đoạn vào khu tái định cư		1,0
100	Đường vào Hãng nước mắm Nam Phát	Đinh Bộ Lĩnh	Bờ Sông Tiền	1,0
101	Đường tỉnh 870	Đường tỉnh 864	Cây xăng Thanh Tâm	1,0
		Cây xăng Thanh Tâm	Đường Công 2 Đồng Tâm	1,0
		Đường công 2 Đồng Tâm	Cách QL 1:100m	1,0
		Còn lại		1,0
102	Đường vào Khu dân cư và nội ô Khu phố Trung Lương			1,0
103	Đường Phan Văn Khỏe			1,0
104	Đường Nguyễn Minh Đường			1,1
105	Đường huyện 93			1,0
106	Đường vào Chùa Vĩnh Tràng			1,0
107	Đường vào Khu thủy sản			1,0
108	Đường vào Vựa lá Thanh Tòng cũ			1,0
109	Đường vào Trung tâm hành chính phường 10			1,0
110	Đường tổ 3, khu phố Trung Lương, phường 10			1,0
111	Đường vào khu nhà ở thuộc kho 302, xã Trung An			1,0
112	Đường cấp Viện Bảo Tàng			1,0
113	Đường huyện 95, xã Trung An			1,0
114	Đường huyện 87, xã Tân Mỹ Chánh			1,0
115	Đường huyện 87B, xã Tân Mỹ Chánh			1,0
116	Đường huyện 88			1,0

STT	Tên đường, khu dân cư	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
117	Đường huyện 90B			1,0
118	Đường huyện 90C			1,0
119	Đường huyện 90D			1,0
120	Đường huyện 90E			1,0
121	Đường huyện 91, xã Mỹ Phong			1,0
122	Đường Kênh Nôi, xã Tân Mỹ Chánh			1,0
123	Đường Cột cờ, xã Đạo Thạnh			1,0
124	Đường N3, ấp Phong Thuận và Bình Phong, Tân Mỹ Chánh			1,0
125	Đường Bình Lợi 1, xã Tân Mỹ Chánh			1,0
126	Đường vào Xí nghiệp dệt, phường 9			1,0
127	Đường vào Trung tâm hành chính phường 9			1,0
128	Đường vào Công ty may Tiên Tiến			1,0
129	Đường liên ấp Bình Thành – Bình Lợi	Cầu Kinh	Ngã ba đường Bình Lợi 1	1,0
		Ngã ba đường Bình Lợi 1	Giáp ranh Chợ Gạo	1,0
130	Đường huyện 94C	Từ cầu Đúc về hướng Đông		1,0
		Từ cầu Đúc về hướng Tây		1,0
131	Đường N3, ấp Mỹ Hưng			1,0
132	Đường cầu đường Mỹ Phú			1,0
133	Đường Một Quang			1,0
II	Khu tái định cư, khu dân cư			
1	Đất Khu dân cư Vườn Thuộc Nam, phường 6			1,0
2	Đất Khu Tái định cư kênh Xáng cụt phường 6			1,0
3	Đất Khu Tái định cư Cảng cá			1,0
4	Đất Khu tái định cư chùa Bửu Lâm			1,0
5	Đất Khu tái định cư nạo vét rạch Bạch Nha:			1,0
	- Vị trí hẻm đường Đông Đa			1,0
	- Vị trí hẻm đường Ấp Bắc:			1,0
	+ Hẻm vị trí 1			1,0
	+ Hẻm vị trí 2			1,0
III	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp			1,0

2. Đối với thị xã Gò Công:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

*** Đất phi nông nghiệp tại mặt tiền các tuyến đường giao thông chính**

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 50	Cầu Sơn Quy	Cua Lộ Góc	1,0
		Cua Lộ Góc	Phà Mỹ Lợi	1,0
2	Đường tỉnh 873	Ngã ba đường tỉnh 873 - đường huyện 13	Bến đò Bình Xuân	1,0
		Bến đò Bình Xuân	Cầu Rạch Bắp	1,0
		Cầu Rạch Bắp	Ngã ba QL 50 - Đường tỉnh 873	1,0
3	Đường tỉnh 873B	Cầu Ông Non	Đê sông Gò Công	1,0
		Đê sông Gò Công	Ngã ba đê bao	1,0
		Ngã ba đê bao	Cống đập Gò Công	1,0
4	Đường huyện 14	Đường tỉnh 873 (Cầu Bình Thành)	Đường đê (Bến đò Cả Nhồi cũ)	1,0

*** Đất phi nông nghiệp mặt tiền đường phố đô thị**

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 1				
Khu vực trung tâm				
1	Hai Bà Trưng	Cầu Long Chánh	Trần Hưng Đạo	1,2
2	Trương Định	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	1,1
		Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	1,2
3	Nguyễn Huệ	Võ Duy Linh	Thủ Khoa Huân	1,2
4	Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		1,2
5	Rạch Gầm	Phan Bội Châu	Lý Thường Kiệt	1,1
		Đoạn còn lại		1,0
6	Lê Lợi	Phan Bội Châu	Hai Bà Trưng	1,1
		Đoạn còn lại		1,0
7	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ	Hai Bà Trưng	1,0
8	Phan Bội Châu	Trương Định	Trần Hưng Đạo	1,1
9	Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
10	Lý Thường Kiệt (Duy Tân cũ)	Toàn tuyến		1,0
11	Bạch Đằng	Toàn tuyến		1,0
12	Phan Chu Trinh	Phan Đình Phùng	Trần Hưng Đạo	1,0
13	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	1,0
14	Võ Duy Linh	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	1,2
		Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	1,1
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 2				
Khu vực cận trung tâm				
1	Nguyễn Huệ	Thủ Khoa Huân	Hai Bà Trưng	1,1
		Hai Bà Trưng	Ngã tư Bình An	1,0
		Võ Duy Linh	Cầu Cây	1,0
2	Thủ Khoa Huân	Hai Bà Trưng	Tim cầu Kênh Tinh	1,0
3	Trần Hưng Đạo	Hai Bà Trưng	Nguyễn Trọng Dân	1,0
4	Trương Định	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	1,2
		Nguyễn Thái Học	Trần Công Tường	1,1
5	Nguyễn Văn Côn	Lý Thường Kiệt	Ngã tư Bình An	1,0
6	Nguyễn Trọng Dân	Toàn tuyến		1,0
7	Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		1,0
8	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	1,0
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Huệ	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
9	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	1,0
10	Lưu Thị Dung	Toàn tuyến		1,0
11	Phan Chu Trinh	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
12	Phan Đình Phùng	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
13	Ngô Tùng Châu	Nguyễn Huệ	Nhà trẻ Hòa Bình	1,0
		Nhà trẻ Hòa Bình	Hẻm số 2	1,0
		Hẻm số 2	Hẻm số 3	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
14	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
15	Đông Khởi	Cầu Long Chánh	Tim đường Hồ Biểu Chánh	1,0
16	Quốc lộ 50	Tim đường Hồ Biểu Chánh	Đường tỉnh 873B	1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
17	Nguyễn Trọng Hợp	Toàn tuyến		1,0
18	Võ Thị Ló (hẻm 11 phường 4 cũ)	Đồng Khởi	Hồ Biểu Chánh	1,0
		Còn lại		1,0
19	Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		1,0
20	Phạm Ngũ Lão	Toàn tuyến		1,0
21	Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		1,0
22	Đường vào Trại giam cũ	Toàn tuyến		1,0
23	Lý Thường Kiệt	Điện Lực (Nguyễn Văn Côn)	Đầu đường Lê Lợi	1,0
24	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trọng Dân	Hồ Biểu Chánh (vành đai phía Bắc)	1,0
25	Đường nội bộ khu dân cư dự án đường Trương Định nối dài (giai đoạn 1)			1,0
26	Đường nội bộ khu dân cư dự án đường Trương Định nối dài (giai đoạn 2)	Đường số 1		1,0
		Đường số 2		1,0
		Đường số 3 (Lô B2)		1,0
		Đường số 3 (Lô A21)		1,0
		Đường số 4		1,0
		Đường số 5 (Lô B2)		1,0
		Đường số 5 (Lô A21)		1,0
		Đường số 6		1,0
		Đường số 10		1,0
		Đường số 11		1,0
		Đường số 12		1,0
		Đường số 12A		1,0
		Đường số 12B		1,0
		Đường số 14		1,0
Đường số 17		1,0		
27	Nguyễn Trường Tộ	Toàn tuyến		1,0
28	Đường Aọ Thiếc	Toàn tuyến		1,0
29	Đường má Cả Trượng	Toàn tuyến		1,0
30	Đường Tết Mậu Thân	Toàn Tuyến		1,0
31	Đường vào khu dân cư Ao cá Bác Hồ			1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 3				
Khu vực ven nội thị				
1	Thủ Khoa Huân (Đường tỉnh 862)	Tim cầu Kênh Tinh	Ngã ba Thủ Khoa Huân - Trần Công Tường	1,0
		Ngã ba Thủ Khoa Huân - Trần Công Tường	Tim Ngã ba Tân Xã	1,0
2	Đường tỉnh 862 đi Tân Hòa	Tim Ngã ba Tân Xã	Tim cầu Kênh 14	1,0
		Tim cầu Kênh 14	Ngã ba Việt Hùng	1,0
3	Quốc lộ 50	Tim ngã ba Đường tỉnh 873B (Giếng nước)	Ngã ba Thành Công (hết ranh thị xã Gò Công)	1,0
		Ngã ba Hồ Biểu Chánh - Từ Dũ	Cầu Sơn Qui	1,0
4	Hồ Biểu Chánh	Toàn tuyến		1,0
5	Đường Từ Dũ	Toàn tuyến		1,0
6	Phùng Thanh Vân (Đường tỉnh 873B)	Giếng nước	Cống Rạch Rô cũ	1,0
		Cống Rạch Rô cũ	Ngã ba đê bao cũ	1,0
		Ngã ba đê bao cũ	Cống đập Gò Công	1,0
7	Trần Công Tường (Đường tỉnh 862)	Ngã ba giao QL 50 (bến xe phường 4)	Cầu Nguyễn Văn Côn	1,0
		Cầu Nguyễn Văn Côn	Ngã tư Võ Duy Linh	1,0
		Ngã tư Võ Duy Linh	Ngã 3 Thủ Khoa Huân	1,0
8	Đường huyện 15	Ngã ba Trần Công Tường (ĐT 862)	Giáp ranh huyện Gò Công Tây	1,0
9	Đường Võ Văn Kiệt (Đường tỉnh 877)	Ngã ba Trần Công Tường (ĐT 862)	Ranh phường 5	1,0
		Ranh phường 5	Tim ngã ba đường Giồng Cát (Bà Lễ)	1,0
		Đoạn còn lại		1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
10	Nguyễn Thìn (Đường huyện 03)	Ngã tư Bình Ân (thị xã Gò Công)	Nhà văn hóa xã	1,0
		Nhà văn hóa xã	Ngã ba Xóm Rạch	1,0
		Ngã ba Xóm Rạch	Ngã ba Xóm Dinh	1,0
		Ngã ba Xóm Dinh	Cầu Xóm Sọc	1,0
11	Mạc Văn Thành (Đường đi Tân Tây Đường tỉnh 871)	Ngã tư Bình Ân	Đầu sân bay trên ranh phường 3, Long Hưng	1,0
		Đầu sân bay trên ranh phường 3, Long Hưng	Đường vành đai phía Đông	1,0
		Đường vành đai phía Đông	Ranh xã Tân Đông	1,0
12	Đường huyện 97 (Đường Tân Đông Cầu Bà Trà)	QL 50 (Đường Hồ Biểu Chánh)	Kênh Địa Quao	1,0
		Kênh Địa Quao	Mạc Văn Thành (Đường tỉnh 871)	1,0
13	Đường tỉnh 873	Ngã ba Thành Công	Ngã ba đường tỉnh 873 - Đường huyện 13	1,0
14	Đường Võ Duy Linh (Đường huyện 96)	Tim cầu Huyện Chi	Tim ngã ba đường Hoàng Tuyền	1,0
		Tim ngã ba đường Hoàng Tuyền	C19 Biên Phòng	1,0
		C19 Biên Phòng	Ranh huyện Gò Công Tây	1,0
15	Đường Hoàng Tuyền	Toàn tuyến		1,0
16	Đường Lãng Hoàng Gia	Toàn tuyến		1,0
17	Đường huyện 98	Ngã ba Đường tỉnh 873	Ngã ba Đường tỉnh 873B	1,0
18	Đường Kênh Năm Cơ	Toàn tuyến		1,0
19	Đường huyện 96B (Đường Tân Xã - xã Long Hòa)	Đường tỉnh 862 (Đường Thủ Khoa Huân)	Đường huyện 19 (Đường Việt Hùng)	1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
20	Đỗ Trình Thoại	từ Trần Công Tường đến Hoàng Tuyển		1,0
21	Chiến sĩ Hòa Bình	đoạn từ đường Nguyễn Huệ (cạnh DNTN Bảy Truyền) vào cuối khu dân cư		1,0
22	Đường kênh Sườn nhóm II (ấp Lãng Hoàng Gia)	Trộn đường		1,0
23	Đường đê bao Hưng Thạnh (ấp Hưng Thạnh)	Trộn đường		1,0
24	Đường kênh Ba Quyền	Trộn đường		1,0
25	Đường huyện 97B (Đường Hai cây Liêm xã Long Hưng)	Đường Từ Dũ	Mạc Văn Thành (Tỉnh 871)	1,0
26	Đường huyện 98B	Trộn đường Đông Khởi – Tỉnh 873B (Phùng Thanh Vân)		1,0
27	Đường huyện 99	Đường tỉnh 873 - đường đê		1,0
28	Đường Huyện 19 (Đường Việt Hùng)	Đường tỉnh 862 (ngã ba Việt Hùng)	Cầu Lợi An xã Bình Tân, Gò Công Tây	1,0

3. Đối với thị xã Cai Lậy:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

*** Đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính**

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 1	Ranh H. Châu Thành	Buru Điện Nhị Quý	1,2
		Buru Điện Nhị Quý	Cầu Mỹ Quý	1,2
		Cầu Mỹ Quý	Cầu Nhị Mỹ	1,2
		Cầu Nhị Mỹ	Ranh phường 4	1,2
2	Đường tỉnh 868	Ranh H. Cai Lậy	Công chào xã Long Khánh	1,2
		Công chào xã Long Khánh	Ranh phường 5	1,2
		Cầu Tân Bình	Cầu kênh 12	1,1
		Cầu kênh 12	Cầu Dừa	1,1
		Cầu Dừa	Cầu Quán Oai	1,1
		Trung tâm cụm dân cư Mỹ Phước Tây (mặt tiền Đường tỉnh 868)		1,2
		Xung quanh nhà lồng chợ Mỹ Phước Tây		1,2
Đoạn còn lại		1,1		
3	Đường tỉnh 865	Đường tỉnh 868	Ranh H. Tân Phước	1,1
4	Đường tỉnh 874	Toàn tuyến		1,1
5	Đường tỉnh 874B	Quốc lộ 1A	Đường huyện 51	1,1
		Đoạn còn lại (trên địa bàn thị xã)		1,1
6	Đường Nhị Quý - Phú Quý (Đường huyện 51)	Kênh ông 10	Cầu Kênh Trà Lọt	1,0
		Cầu Kênh Trà Lọt	Ranh Châu Thành	1,1
7	Đường Dây Thép (Đường huyện 52)	Cầu 5 trình	ĐT. 874 (xã Tân Phú)	1,0
8	Đường Tân Hội - Mỹ Hạnh Đông (Đường huyện 53)	Quốc lộ 1A	Đường Dây Thép	1,1
		Đường Dây Thép	Cầu Bảy Sơn	1,1
		Cầu Bảy Sơn	Cầu kinh Bảy Dạ	1,0
		Cầu kinh Bảy Dạ	Đường huyện 59	1,1
9	Đường Phú Quý (Đường huyện 54)	Toàn tuyến		1,0
10	Đường áp 5 Tân Bình (Đường huyện 57 B)	Cầu Kênh Tổng	Đường tỉnh 868	1,0
		Cầu Ban Chón 2	Giáp xã MHD (Kênh Xóm Chòi)	1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
11	Đường Mỹ Phước Tây (Đường huyện 58)	Đường tỉnh 868	Cầu Xáng Ngang	1,1
		Khu vực dãy nhà phố xung quanh nhà lồng chợ Mỹ Hạnh Trung		1,1
		Cầu Xáng Ngang	Kênh Tháp Mười số 2 (Nguyễn Văn Tiếp)	1,1
12	Đường Sông Cũ (Đường huyện 59)	Toàn tuyến		1,1
13	Đường Thanh Niên (Đường huyện 60)	Toàn tuyến (trên địa bàn thị xã)		1,1
14	Đường Cây Trâm (Đường huyện 61)	Toàn tuyến		1,0
15	Đường Thanh Hòa - Phú An (Đường huyện 63)	Quốc lộ 1A	Ranh Phường 2	1,0
16	Đường Bình Phú - Bình Thạnh (Đường huyện 65)	Ranh Bình Phú	Cầu Kênh Tổng	1,0
17	Đường ấp Phú Hưng (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
18	Đường liên xã Tân Bình - Mỹ Hạnh Trung	Toàn tuyến		1,1
19	Đường từ UBND xã Tân Hội đến ngã ba ấp Tân Phong			1,0
20	Đường Ông Huyện (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
21	Đường 5 Năng (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
22	Đường Kháng Chiến (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
23	Đường Tứ Kiệt (Xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
24	Đường Địa Sen (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
25	Đường Gò Găng (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
26	Đường Nguyễn Văn Mười Tôn (xã Long Khánh)	Toàn tuyến		1,0
27	Đường Đông Láng Biển, ấp Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây	Toàn tuyến		1,0
28	Đường vào khu di tích Ấp Bắc xã Tân Phú	Toàn tuyến		1,0
29	Các tuyến đường trong khu dân cư Mỹ Phước Tây			1,1
30	Đường bắc Sông Củ	Toàn tuyến		1,0
31	Đường Phú Hòa – Phú Hiệp (xã Long Khánh)	Công chào ấp Phú Hiệp	Công chào ấp Phú Hòa	1,0
32	Đường Tây ông Bảo – Bà Kén	Đường huyện 60	Ranh xã Long Trung	1,0
33	Đường Đông Ba Muồng	Toàn tuyến		1,0
34	Đường Nguyễn Văn Sen	Đường huyện 60 (cầu Văn U)	Đường huyện 61	1,0
35	Đường đản Bắc sông Rạch Tràm	Sông Ba Rài	Ranh Bình Phú	1,0
36	Đường đản Đông - Tây Sông Ba Rài	Toàn tuyến trên địa bàn thị xã		1,0
37	Đường Ban Chón ấp 3	Công tư Bình	Kênh Xóm Chói	1,0
		Kênh Chiến Lược	Công tư Bình	1,0
38	Đường Tây Xóm Chòi	Toàn tuyến		1,0

*** Đất phi nông nghiệp tại đô thị**

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 1	Ranh phường 4	Đường Võ Việt Tân	1,1
		Đường Võ Việt Tân	Cầu Cai Lậy	1,2

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Cầu Cai Lậy	Kênh 30/6	1,1
		Kênh 30/6	Ranh H. Cai Lậy (xã Bình Phú)	1,1
2	Đường tỉnh 868	Ranh xã Long Khánh – Phường 5 thị xã Cai Lậy	Cầu Bờ Ấp 5	1,1
		Cầu Bờ Ấp 5	Đường Tứ Kiệt (B2)	1,1
		Đường Tứ Kiệt (B2)	Quốc lộ 1A	1,2
		Quốc lộ 1A	Phòng Thống kê	1,2
		Phòng Thống kê	Cầu Sa Rài	1,2
		Cầu Sa Rài	Cầu Kênh Cà Mau	1,1
		Cầu Kênh Cà Mau	Cầu Tân Bình	1,0
3	Đường 30/4	Toàn tuyến		1,2
4	Đường Tứ Kiệt	Quốc lộ 1A	Cầu Tứ Kiệt	1,1
		Cầu Tứ Kiệt	Đường tỉnh 868	1,2
5	Đường Hồ Hải Nghĩa	Quốc lộ 1A	Đường Tứ Kiệt	1,1
		Đường Tứ Kiệt	Đường tỉnh 868	1,1
6	Đường Thanh Tâm	Đường Thái Thị Kiều	Đường 30/4	1,2
		Đường 30/4	Đường tỉnh 868	1,2
		Khu vực còn lại		1,2
7	Đường Thái Thị Kiều	Toàn tuyến		1,1
8	Đường Đoàn Thị Nghiệp	Toàn tuyến		1,1
9	Đường Bến Cát	Đường 30/4	Đường tỉnh 868	1,2
		Đường tỉnh 868	Cầu Trường Tín	1,1
10	Đường vào cầu số 3	Đường Bến Cát	Cầu số 3	1,1
11	Đường Võ Việt Tân	Quốc lộ 1A	Cầu Đặng Văn Quế	1,1
12	Đường Mỹ Trang	Toàn tuyến		1,1
13	Đường Trương Văn Sanh	Toàn tuyến		1,1
14	Đường Nguyễn Chí Liêm	Toàn tuyến		1,1
15	Đường Nguyễn Văn Chấn	Toàn tuyến		1,1
16	Đường Phan Việt Thống	Toàn tuyến		1,1
17	Đường Phan Văn Kiều	Toàn tuyến		1,1

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
18	Đường Nguyễn Văn Hiếu (ĐH 63 đoạn qua thị trấn cũ)	Quốc lộ 1A	Ranh Thanh Hòa	1,1
19	Đường Thái Thị Kim Hồng	Toàn tuyến		1,1
20	Đường Hà Tôn Hiến	Toàn tuyến		1,1
21	Đường Đông Ba Rài	Quốc lộ 1A	Ranh Thanh Hòa	1,1
22	Đường Tây Ba Rài	Toàn tuyến		1,0
23	Đường Ông Hiệu	Toàn tuyến		1,1
24	Đường bờ Hội Khu 5	Toàn tuyến		1,1
25	Đường Tứ Kiệt (B2)	Đường tỉnh 868	Ranh phường 4	1,1
		Ranh phường 4	Kênh Ông Mười	1,0
26	Đường Phan Văn Khỏe	Toàn tuyến		1,1
27	Đường Đặng Văn Thạnh	Phan Văn Khỏe	Trương Văn Điệp	1,1
28	Đường Mai Thị Út	Cao Hải Đê	Trương Văn Điệp	1,1
29	Đường Nguyễn Văn Lộc	Phan Văn Khỏe	Trương Văn Điệp	1,1
30	Đường Trừ Văn Thố	Cao Hải Đê	Trương Văn Điệp	1,1
31	Đường Nguyễn Văn Lo	Phan Văn Khỏe	Trương Văn Điệp	1,1
32	Đường Trần Xuân Hòa	Phan Văn Khỏe	Trương Văn Điệp	1,1
		Trương Văn Điệp	Lê Văn Sâm	1,1
33	Đường Trương Văn Điệp	Phan Văn Khỏe	Đặng Văn Thạnh	1,1
		Đặng Văn Thạnh	Mai Thị Út	1,1
		Đoạn còn lại		1,1
34	Đường Cao Hải Đê	Toàn tuyến		1,1
35	Các tuyến đường còn lại	Mặt đường > 3m, mặt bê tông, nhựa, đá cấp phối		1,0
		Khu vực còn lại		1,0
36	Đường nối liền Thái Thị Kiều với đường Hồ Hải Nghĩa (tiếp giáp công viên Trần Hữu Tám)	Toàn tuyến		1,1

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
37	Đường đan dọc kênh 30/6	Quốc lộ 1A	Giáp sông Ba rài	1,0
38	Đường đan cặp kênh Ống Bông	Quốc lộ 1A	Đường huyện 57C	1,0
39	Đường Dây Thép (Đường huyện 52)	Cầu Trường Tín	Kênh Hội Đồng	1,1
		Kênh Hội Đồng	Cầu Năm Trinh	1,0
40	Đường Nhị Mỹ (Đường huyện 55)	Quốc lộ 1A	Lộ Giữa	1,0
		Lộ Giữa	UBND xã Nhị Mỹ	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
41	Đường Lộ Giữa (Đường huyện 56)	Ranh thị trấn cũ	Sân bóng Đá Nhị Mỹ	1,0
		Sân bóng đá Nhị Mỹ	Đường huyện 53	1,0
42	Đường huyện 57 (Đường ấp 1 Tân Bình)	Đường tỉnh 868	Miếu Cháy	1,1
		Miếu Cháy	Kênh Hội Đồng	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
43	Đường ấp 5 Tân Bình (Đường huyện 57 B)	Đường tỉnh 868	Cầu 8 Lưu	1,0
		Cầu 8 Lưu	Cầu Ban Chón 1	1,0
		Cầu Ban Chón 1	Cầu Ban Chón 2	1,0
44	Đường vào ấp 2, xã Tân Bình (ĐH.57C)	Đường tỉnh 868	Cầu số 2	1,0
45	Đường vào ấp 2, xã Tân Bình (ĐH.57C)	Đoạn còn lại		1,0
46	Đường từ Cầu Đặng Văn Quế đến hết ranh Tân Bình	Toàn tuyến		1,0
47	Đường Tây sông Ba Rài	Ranh Thanh Hòa	Giáp ấp 5 Tân Bình	1,0
48	Đường Đông sông Ba rài	Ranh xã Thanh Hòa	Cầu Cai Lậy	1,0

4. Đối với huyện Cái Bè:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao

thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, tại các cụm công nghiệp, khu du lịch thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,1 lần giá đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, tại các cụm công nghiệp, khu du lịch quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

d) Đối với đất phi nông nghiệp tại đô thị và trung tâm thương mại thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất phi nông nghiệp tại đô thị và trung tâm thương mại quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

5. Đối với huyện Cai Lậy:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 1	Ranh TX. Cai Lậy	Cầu Bình Phú	1,2
		Cầu Bình Phú	Cầu Phú Nhuận	1,2
		Cầu Phú Nhuận	Ranh Cái Bè	1,2
2	Đường tỉnh 868	Ranh 3 xã Long Khánh – Long Tiên – Long Trung	Bến phà Ngũ Hiệp	1,1
		Cầu Quán Oai	Cầu Hai Hạng	1,1
		Bến phà Ngũ Hiệp	Sân Vận động	1,1
		Đoạn còn lại		1,1
3	Đường tỉnh 864	Chợ Tam Bình	Trường THCS Tam Bình	1,1
		Trường THCS Tam Bình	Ranh huyện Châu Thành	1,1
		Cầu Tam Bình	Cầu Trà Tân	1,1
		Cầu Trà Tân	Sông Ba Rài	1,1
		Sông Ba Rài	Ranh xã Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè)	1,1

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
4	Đường tỉnh 865	Toàn tuyến trên địa bàn huyện		1,1
5	Đường tỉnh 874B	Toàn tuyến trên địa bàn huyện		1,1
6	Đường tỉnh 875	Quốc lộ 1	Rạch Hang Rắn	1,2
		Rạch Hang Rắn	Ranh phía Nam Nghĩa Trang Triều Phước Quảng	1,1
		Ranh phía Nam Nghĩa Trang Triều Phước Quảng	Ranh thị trấn Cái Bè	1,2
7	Đường Tỉnh 875B (Đường Giồng Tre)	Quốc lộ 1	Ranh xã Hiệp Đức	1,1
		Ranh xã Hiệp Đức	Bến Phà Hiệp Đức - Tân Phong	1,1
8	Đường Phú Quý (Đường huyện 54)	Toàn tuyến (trên địa bàn huyện Cai Lậy)		1,0
9	Đường ấp 5 Tân Bình (Đường huyện 57 B)	Từ Bình Phú - Bình Thạnh	Cầu Kênh Tổng	1,0
10	Đường Thanh Niên (Đường huyện 60)	Ranh xã Long Khánh	Cầu Cẩm Sơn	1,1
		Cầu Cẩm Sơn	Đường tỉnh 875B	1,1
11	Đường Long Tiên - Mỹ Long (Đường huyện 35)	Đường tỉnh 868	Ranh Châu Thành	1,1
		Đường vào chợ Ba Dầu		1,0
		Đường vào chợ Cả Mít		1,0
12	Đường Ba Dừa (Đường huyện 62)	Toàn tuyến		1,0
13	Đường Thanh Hòa - Phú An (Đường huyện 63 trừ đoạn qua thị xã)	Quốc lộ 1	Đường Giồng Tre	1,0
		Đường Giồng Tre (ĐT.875B)	Hết ranh huyện Cai Lậy	1,0
14	Đường Bình Phú - Bình Thạnh (Đường huyện 65)	Quốc lộ 1	Trường Phan Việt Thống	1,1
		Trường Phan Việt Thống	Cầu Bình Thạnh	1,1
		Đoạn còn lại		1,0
15	Đường Phú Nhuận - Kinh 10 (Đường huyện 66)	Quốc lộ 1	Ngã ba đường Phú Nhuận cũ	1,1
		Đường Phú Nhuận cũ		1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường Phú Nhuận cũ	Cầu Ngã Năm	1,1
		Cầu Ngã Năm rẽ đường đan Chà Là	Nhà ông Trương Văn Sang	1,0
		Cầu Ngã Năm	UBND xã Mỹ Thành Nam	1,1
		Khu vực còn lại		1,0
16	Đường Phú Tiểu (ấp Phú Tiểu, xã Phú Nhuận)	Toàn Tuyến		1,0
17	Đường Phú An (Đường huyện 67)	Đường tỉnh 875	Cầu Phú An	1,1
		Cầu Phú An	Đường Giồng Tre (ĐT. 875B)	1,0
		Khu vực còn lại		1,0
18	Đường nhựa Cả Gáo (ĐH 68)	Toàn tuyến		1,0
19	Đường vào trạm y tế xã Mỹ Thành Nam	Toàn tuyến		1,0
20	Đường 1 Tháng 5 xã Mỹ Thành Bắc (ĐH. 69)	Toàn tuyến		1,0
21	Đường liên ấp Hòa An - Long Quới (Đường huyện 70)	Rạch ông Dú	Đến Rạch Lâu	1,1
		Đoạn còn lại		1,0
22	Đường vào chùa Kỳ Viên ấp 4, xã Phú An	Toàn tuyến		1,1
23	Đường vào trung tâm xã Hiệp Đức	Toàn Tuyến		1,0
24	Đường Đông sông Ba Rài – Tây kênh Ông Mười	Toàn tuyến		1,0
25	Đường Tây sông Ba Rài – Đông Sông Phú An	Toàn tuyến		1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
26	Đường đến Trung tâm xã Tân Phong (Đường huyện 64)	Bến Đò	Nghĩa trang Liệt sĩ cũ	1,0
		Nghĩa trang Liệt Sĩ cũ	Cầu Sáu Ái	1,0
		Khu vực còn lại		1,0
27	Đường Đông kênh Thầy Cai	Đường 865	Kênh 2 Hạt	1,0
28	Đường Đông kênh Chà Là	Nguyễn Văn Tiếp	Kênh Bồi Tường	1,0
29	Đường Đông kênh Cà Nhíp	Kênh 2 Hạt	Kênh Mương Lộ	1,0
30	Đường Đông Kênh 10	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Ranh Kênh Mỹ Thành Nam	1,0
31	Đường Nam Nguyễn Văn Tiếp	Toàn tuyến		1,0
32	Đường Nam Kênh 2 Hạt	Toàn tuyến		1,0
33	Đường liên ấp	Huyện Lộ 70	Huyện Lộ 70 (rạch Cả Bần)	1,0
34	Đường rạch Bà 4	Quốc lộ 1A	Cầu Bà 4	1,0
35	Đường Bà Phò	Cầu Bà Phò	Cầu kênh Rạch	1,0
36	Đường kênh Phú Thuận (xã Bình Phú)	Toàn tuyến trên địa bàn huyện Cai Lậy		1,0
37	Đường đan cặp sông đường nước	Trạm Y tế xã	Điểm cây Kè	1,0
38	Đường đan cặp sông Bà Tồn	Chợ Bà Tồn	Kênh Một Thước (giáp MTB)	1,0
39	Đường liên ấp	Tỉnh lộ 868	Kênh Cây Công	1,0
40	Đường Bình Thạnh	Tỉnh lộ 868	Trụ sở ấp Bình Thạnh	1,0
41	Đường Nghĩa Trang	Tỉnh lộ 864	Đường liên ấp	1,0
42	Đường Miếu Bà	Tỉnh lộ 864	Đường liên ấp	1,0
43	Đường Kiểm Thưởng	Tỉnh lộ 864	Đường liên ấp	1,0
44	Đường Thanh niên	Tỉnh lộ 864	Đường liên ấp	1,0
45	Đường Kênh cũ	Đường Thanh niên	Kênh Cây Công	1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
46	Đường liên xóm Bình Ninh 1	Đường liên ấp	Cầu Bàng	1,0
47	Đường Cầu Bàng	Đường liên ấp	Ranh xã Mỹ Long	1,0
48	Đường Tổ 10 ấp Bình Ninh	Đường Cầu Bàng	Ranh xã Mỹ Long	1,0
49	Đường Bờ Mới	Tỉnh Lộ 864	Đường liên ấp	1,0
50	Đường Cơ Bản vào Sở chỉ huy tỉnh Tiền Giang	Đường tỉnh 875B	Huyện lộ 60	1,0
51	Đường Tây sông Bang Giày	Qua xã Phú Cường, Phú Nhuận, Bình Phú		1,0

6. Đối với huyện Châu Thành:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, tại các chợ thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,1 lần giá đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

d) Đối với đất phi nông nghiệp tại đô thị thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất phi nông nghiệp tại đô thị quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

7. Đối với huyện Tân Phước:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

*** Đất phi nông nghiệp tại mặt tiền các trục đường giao thông chính**

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 865			
	Xã Tân Hòa Tây	Ranh xã Mỹ Phước Tây (Cai Lậy)	Ranh xã Mỹ Phước	1,1
	Xã Mỹ Phước	Ranh xã Tân Hòa Tây	Cầu Kinh 13	1,1
		Cầu Kinh 13	Cầu Kinh 21	1,1
		Cầu Kinh 21	Ranh xã Hưng Thạnh	1,1
	Xã Hưng Thạnh	Cầu Tràm Sập	Cầu Ông Chủ	1,1
		Cầu Ông Chủ	Xã Mỹ Phước	1,1
	Xã Phú Mỹ	Ranh xã Hưng Thạnh	Cầu Rạch Chợ	1,1
		Cầu Rạch Chợ	Vòng xoay cầu Phú Mỹ	1,1
	Thị trấn Mỹ Phước	Từ vòng xoay	Cầu Kinh 10	1,1
Từ vòng xoay		Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,1	
2	Đường tỉnh 866			
	Xã Phú Mỹ	Ranh xã Tân Hòa Thành	Cầu Phú Mỹ	1,1
		Cầu Chợ Phú Mỹ	Ranh tỉnh Long An	1,1
		Cầu Phú Mỹ	Cầu Chợ Phú Mỹ (trừ dãy phố chợ phía Đông)	1,1
	Xã Tân Hòa Thành	Phú Mỹ	Cầu Lớn	1,1
Cầu Lớn		Ranh huyện Châu Thành	1,1	
3	Đường tỉnh 866B			
	Xã Tân Lập 1	Kênh Năng	Ranh huyện Châu Thành	1,2
4	Đường tỉnh 867			
	Xã Phước Lập	Ranh xã Long Định (Châu Thành)	Cầu Kinh 2	1,1
		Cầu Kinh 2	Thị trấn Mỹ Phước	1,1
	Thị trấn Mỹ Phước	Từ vòng xoay	Ranh xã Phước Lập	1,1
		Từ vòng xoay	Ranh xã Mỹ Phước (Đường tỉnh 867)	1,1
	Xã Mỹ Phước	Ranh thị trấn Mỹ Phước	Cầu Kinh 500	1,1
		Cầu Kinh 500	Kinh Bao Ngạn	1,1
		Kinh Bao Ngạn	Cầu Trương Văn Sanh	1,1
	Xã Thạnh Mỹ	Cầu Trương Văn Sanh, (trừ dãy nền cụm dân cư mặt tiền ĐT. 867)	Đến ranh Chợ Bắc Đông	1,1

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
5	Đường tỉnh 874			1,1
	Thị trấn Mỹ Phước	Giao Đường tỉnh 867 (trừ dãy phố chợ)	Ranh xã Phước Lập	1,1
	Xã Phước Lập	Ranh Thị trấn	Ranh xã Tân Phú (TX Cai Lậy)	1,1
6	Đường huyện			
	Xã Tân Hòa Tây	- Đường huyện 48 (Cấp Rắn Núi),		1,1
		- Đường huyện 46 (Tây Kênh Mới)		1,1
	Xã Tân Hòa Tây	- Đường huyện 42 (Nam Trương Văn Sanh).		1,1
		- Đường huyện 47 (Tây Kênh Tây), (trừ các thửa thuộc cụm dân cư)		1,1
		- Đường huyện 48B.		1,1
	Xã Mỹ Phước	- Đường huyện 42 (Nam Trương Văn Sanh); đường huyện 45C (Đông Rạch Đào)		1,1
	Xã Hưng Thạnh	- Đường huyện 44 (Tây Kênh Năng)		1,1
		- Đường huyện 45 (Chín Hần) trừ các thửa đất thuộc cụm dân cư		1,1
		- Đường huyện 42 (Nam Trương Văn Sanh)		1,1
	Xã Tân Hòa Thành	- Đường huyện 50 (Lộ Đất)		1,1
	Xã Thạnh Hòa	- Đường huyện 41 (Nam Tràm Mù) từ Đông kênh 1 đến Tây kênh 2 ấp Hòa Đông, (trừ cụm dân cư)		1,1
		- Đường huyện 48B (Đông kênh 1)		1,1
		- Đường huyện 40 (Bắc Đông)		1,1
	Xã Phú Mỹ	- Đường huyện 45B (Láng Cát)		1,1
		- Đường huyện 42 (Nam Trương Văn Sanh)		1,1
	Xã Phước Lập	- Đường huyện 49 (đường Thanh Niên), Đường huyện 43 (đường Kênh 3)		1,1
		- Đường huyện 44B (Tây Sáu Âu)		1,1
	Xã Tân Lập 1	Đường liên xã Bắc Kênh 2 (từ kênh Năng đến kênh Sáu Âu); đường bãi rác		1,1
		- Đường huyện 44 (Tây Kênh Năng) từ Tân Lập 2 đến ranh huyện Châu Thành		1,1

TT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
	Xã Thạnh Mỹ	- Đường huyện 41 (Nam Tràm Mù) từ ranh Thạnh Tân đến kênh Lộ Mới		1,1
		- Đường huyện 40 (Bắc Đông) từ ranh Thạnh Tân đến kênh 82		1,1
		- Đường huyện 41 (Nam Tràm Mù) từ Lộ Mới đến kênh 82		1,1
	Xã Thạnh Tân	- Đường huyện 41 (Nam Tràm Mù): từ Kênh Ranh Thạnh Tân - Mỹ Thạnh đến kênh Lâm Nghiệp		1,2
		- Đường huyện 47 (Tây kênh Tây): từ Kênh Trương Văn Sanh đến kênh Tràm Mù		1,1
	Xã Thạnh Tân	- Đường huyện 47 (Tây kênh Tây): từ Kênh Bắc Đông đến kênh Tràm Mù		1,1
		- Đường huyện 40 (Bắc Đông): từ Kênh ranh Thạnh Mỹ đến kênh Lâm Nghiệp		1,1
	Xã Tân Lập 2	- Đường huyện 43 (đường Kênh 3)		1,1
		- Đường huyện 44 (Tây Kênh Năng)		1,1
	Xã Tân Hòa Đông	- Đường huyện 40 (Bắc Đông):		
		+ Từ kênh 82 đến Chín Hân, (trừ dãy nền cụm dân cư Tân Hòa Đông)		1,1
		+ Từ Chín Hân đến Láng Cát		1,1
		- Đường huyện 45(Chín Hân)		1,1
		- Đường huyện 45B (Láng Cát)		1,1
		- Đường huyện 41(Nam Tràm Mù)		1,1

*** Đất phi nông nghiệp tại khu thương mại, chợ nông thôn**

STT	Khu vực chợ Phú Mỹ	Hệ số điều chỉnh giá đất
1	Dãy phố giáp đường tỉnh	1,2
2	Dãy phố phía Tây	1,2
3	Hẻm chợ Phú Mỹ (số 1): liền kề dãy phố phía Tây	1,2
4	Hẻm số 2 (Từ nhà Đinh Văn Hà đến nhà ông Nguyễn Văn Minh)	1,1

*** Đất phi nông nghiệp ở đô thị**

STT	Khu vực đô thị tại thị trấn Mỹ Phước	Hệ số điều chỉnh giá đất
1	Khu phố Chợ Tân Phước	1,2
2	Đường nội ô khu phố chợ (dãy đôi diện dãy B2); Lộ Thanh Niên (từ cống Ụ Tàu đến Đường tỉnh 867)	1,2
3	Kênh Tám Nghi (từ Đường tỉnh 867 đến Kênh Cà Dăm)	1,2
4	- Khu dân cư thị trấn Mỹ Phước (trừ dãy mặt tiền Đường tỉnh 867); tuyến Kênh Lấp; Cụm dân cư; Đường đan (từ Quán Huyện đến Trung tâm Văn hóa và Thể thao huyện); Khu vực chợ cũ - Lộ Thanh Niên (từ ranh xã Phước Lập đến cống Ụ Tàu)	1,2
5	Các thửa đất tiếp giáp phía Tây chợ Tân Phước (kênh lấp khu vực chợ mở rộng)	1,2
6	Tuyến Đông kênh Nguyễn Tấn Thành; Đường đan kênh Cà Dăm; Đông Lộ Mới; lộ kênh 5	1,2
7	Đường Tây kênh Lộ Mới	1,2
8	Khu vực còn lại	1,2

8. Đối với huyện Chợ Gạo, huyện Gò Công Tây:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,2 lần giá đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

9. Đối với huyện Gò Công Đông:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính, đất phi nông nghiệp tại đô thị:

*** Đất phi nông nghiệp tại các vị trí ven các trục đường giao thông chính**

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất	
		Từ	Đến		
1	Đường tỉnh 871	UBND xã Tân Đông cũ (giáp ranh thị xã)	Ranh Thánh thất Tân Đông (từ thị xã xuống)	1,1	
		Thánh thất Tân Đông	Ranh Nghĩa trang Tân Tây (từ thị xã xuống)	1,1	
		Ranh Nghĩa trang Tân Tây	Đường vào Bệnh viện đa khoa huyện Gò Công Đông. (đường cũ)	1,1	
		Cách 200 mét đường vào bệnh viện đa khoa huyện Gò Công Đông	Ngã tư giao Đường huyện 02	1,1	
		Riêng đoạn từ đường vào Bệnh viện đa khoa huyện Gò Công Đông về hướng Kiểng Phước 200m (đường cũ)			1,1
		Ngã tư giao Đường huyện 02	Chùa Xóm Lưới	1,1	
		Chùa Xóm Lưới	Ranh UBND Vàm Láng (kênh 7 Láo)	1,1	
	Khu vực chợ Kiểng Phước	Giao Đường tỉnh 871	Đường vào chợ và 02 dãy phố cặp chợ	1,1	
2	Đường tỉnh 862	Ngã ba giao đường Việt Hùng (ranh thị xã)	Cổng chào thị trấn Tân Hòa	1,1	
		Bia chiến tích Xóm Gò	Đường vào ấp Giồng Lãnh	1,1	
		Đường vào ấp Giồng Lãnh	Ngã ba Kênh Giữa (ngã ba Đường tỉnh 871 và đường huyện 07)	1,1	
		Hai dãy phố cặp chợ Tân Thành			1,1
		Ngã ba kênh Giữa	Đồn Biên phòng 582	1,1	
		Đồn Biên phòng 582	Ranh UBND xã Tân Thành	1,1	

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		UBND xã Tân Thành		
3	Đường tỉnh 873B	Đường vào 02 dãy phố cấp chợ Tân Tây		1,1
		Đoạn từ ngã ba Tân Tây (giao với Đường tỉnh 871)	Ngã ba giáp Đường huyện 01	1,1
		Ngã ba giáp Đường huyện 01	Công văn hóa - đường vào ấp 7 xã Tân Tây	1,1
		Công văn hóa - đường vào ấp 7 xã Tân Tây	Công văn hóa - đường vào ấp 5 xã Tân Tây	1,1
		Công văn hóa - đường vào ấp 5 xã Tân Tây	Cầu Ông Non	1,1
4	Đê biển, đê sông	Công Vàm Kênh	Hết tuyến	1,1
		Công Vàm Kênh	Đài quan sát	1,1
		Đê sông	Hết tuyến	1,1
	Riêng các đoạn	Từ ngã ba biển	Nhà ông Huỳnh Văn Vinh	1,1
		Nhà ông Huỳnh Văn Vinh	Đường vào Ban quản lý Cồn Bãi	1,1
		Đường vào Ban quản lý Cồn Bãi	Trường TH ấp Đền Đỏ	1,1
		Trường TH ấp Đền Đỏ	Cổng Rạch Góc (Đền Đỏ)	1,1
	5	Đường huyện 01	Ngã ba giao ĐT.873B (đi cầu Giáo Hộ)	Hết ranh trường tiểu học Tân Tây 2
Hết ranh Trường Tiểu học Tân Tây 2			Đầu cầu chợ Tân Phước	1,1
Đường vào cấp chợ Tân Phước			1,1	
Đường nội bộ khu dân cư mới thành lập			1,1	
6	Đường huyện 02	Ngã ba giao đường Võ Duy Linh - 16/2	Đường bờ đất mới (Nhà Tám Nhanh)	1,1
		Đường bờ đất mới (Nhà Tám Nhanh)	Kênh Trần Văn Dũng	1,1
		Kênh Trần Văn Dũng	Cách ngã tư Kiêng Phước 200m	1,1
		Ngã tư Kiêng Phước về 02 hướng cách 200m		1,1
		Cách ngã tư Kiêng Phước 200m	Cầu Xóm Gòng 7	1,1
		Cầu Xóm Gòng 7	Cầu Hội Đồng Quyền	1,1

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
			Cầu Hội Đồng Quyền	
7	Đường huyện 03	Cầu Xóm Sọc	Kênh Trần Văn Bình	1,1
		Kênh Trần Văn Bình	Kênh Gò Me 1	1,1
		Kênh Gò Me 1	UBND xã Tân Điền	1,1
8	Đường huyện 04	Từ ngã ba Thủ Khoa Huân - 30/4 (trại cưa)	Đường vào ấp Tân Xuân (Trường Tiểu học Phước Trung 2)	1,1
		Đường vào ấp Tân Xuân	Bến đò	1,1
9	Đường huyện 05	Giáp Đường tỉnh 862	Cầu Bình Nghi	1,1
		Cầu Bình Nghi	Hết tuyến	1,1
10	Đường huyện 06	Ngã ba giao Đường huyện 01	Ủy ban nhân dân xã Gia Thuận cũ (giao Đường huyện 02)	1,1
11	Đường huyện 07	Giao Đường tỉnh 862	Đê biển	1,1
		Giao Đường tỉnh 862	Cầu Tam Bảng	1,1
		Cầu Tam Bảng	Ngã ba đường về chợ Kiểng Phước	1,1
		Ngã ba đường về chợ Kiểng Phước	Đê Kiểng Phước	1,1
12	Đường vào ấp 7 xã Tân Tây	Giao Đường tỉnh 873B	Cầu Giồng Tháp	1,1
13	Đường liên huyện (Việt Hùng cũ, ranh thị xã), Bình Nghi	Đường tỉnh 862	Cống Sáu Tiệp	1,1
		Cống Sáu Tiệp	Cầu Kênh liên huyện	1,1
14	Đường Thanh Nhung	Giao đường Nguyễn Trãi	Hết ranh Trạm y tế xã Phước Trung	1,1
		Hết ranh Trạm y tế xã Phước Trung	Cầu Thanh Nhung	1,1

*** Đất phi nông nghiệp tại mặt tiền các đường phố đô thị trong thị trấn Tân Hòa**

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 1			

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 862	Ngã ba Nguyễn Trãi (bến xe Tân Hòa)	Ngã tư đường 16/2 - Trương Định	1,2
2	Đường 30/4	Giao Đường tỉnh 862	Hết ranh Huyện ủy	1,2
II	ĐƯỜNG PHỔ LOẠI 2			
1	Đường tỉnh 862	Công chào thị trấn Tân Hòa	Ngã ba giao Nguyễn Trãi (công viên Tân Hòa)	1,2
		Ngã tư giao đường 16/2	Hẻm văn hóa khu phố xóm Gò 2	
2	Đường 30/4	Ranh Huyện ủy	Ngã tư giao đường Nguyễn Văn Côn - đường 30/4	
3	Đường Trương Định	Giao Đường tỉnh 862	Giao đường Nguyễn Văn Côn	1,2
4	Đường Nguyễn Văn Côn	Ranh Trường Nguyễn Văn Côn	Sông thị trấn Tân Hòa (sông Long Ưông)	
III	ĐƯỜNG PHỔ LOẠI 3			
1	Đường Nguyễn Trãi	Đường nội bộ công viên Tân Hòa (Thanh Nhung nổi dài)	Đường vào ấp Dương Quới	1,2
		Đường vào ấp Dương Quới	Cổng Long Ưông	1,2
2	Đường Võ Duy Linh	Giao Đường tỉnh 862	Cầu Cháy	1,2
3	Đường tỉnh 862	Hẻm văn hóa khu phố Xóm Gò 2	Đường vào ấp Trại Ngang	1,2
4	Đường phía sau khối vận	Giao đường 30/4	Giao đường Trương Định	1,2
5	Đường 16/2	Giao Đường tỉnh 862	Cầu 16/2	1,2
IV	ĐƯỜNG PHỔ LOẠI 4			
1	Đường tỉnh 862	Đường vào Trại Ngang	Bia chiến tích Xóm Gò	1,2
2	Đường 30/4	Ngã tư giao đường Nguyễn Văn Côn – đường 30/4	Ngã ba giao Thủ Khoa Huân (trại cura)	1,2

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
3	Đường nội bộ khu lương thực Tân Hòa	Toàn tuyến (kể cả đoạn đường vào Trường Mẫu giáo Tân Hòa)		1,2
4	Đường Nguyễn Văn Côn	Ranh Trường Nguyễn Văn Côn (điểm cuối)	Đường tỉnh 862	1,2
5	Đường 16/2	Cầu 16/2	Giao đường Võ Duy Linh	1,2
6	Đường Nguyễn Văn Côn	Giao đường Nguyễn Trãi	Sông Tân Hòa	1,2
V	ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 5			
1	Đường Thủ Khoa Huân	Giao đường 30/4 (trại cưa)	Cổng Long Ưông	1,2
2	Đường Võ Duy Linh	Cầu Cháy	Giao đường 16/2	1,2
3	Đường vào Sân vận động	Hết tuyến		1,2

*** Đất phi nông nghiệp tại các vị trí còn lại trong thị trấn Tân Hòa**

STT	Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất
1	Đất ở hai bên dãy phố chợ Tân Hòa	1,0
2	Các vị trí còn lại của khu phố	1,0
3	Các vị trí các ấp của thị trấn Tân Hòa giáp ranh các xã	1,0

*** Đất phi nông nghiệp tại khu vực thị trấn Vàm Láng**

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 871	Ranh thị trấn	Đường vào Khu TĐC 3,3ha	1,2
		Đường vào Khu TĐC 3,3ha	Ranh trụ sở UBND thị trấn	1,2
		Ranh trụ sở UBND thị trấn	Bưu điện thị trấn Vàm Láng	1,2
		Bưu điện thị trấn Vàm Láng	Cảng cá Vàm Láng	1,2

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường nội bộ Khu TĐC thị trấn Vàm Láng			1,0
3	Đường Đê đoạn từ Ngã ba giao Đường tỉnh 871 đến Công số 1			
	Đoạn 1	Đường tỉnh 871	Đường vào SVĐ Vàm Láng	1,0
	Đoạn 2	Đường vào SVĐ Vàm Láng	Đường vào Hải đội 2	1,0
	Đoạn 3	Đường vào Hải đội 2	Công số 1	1,0
4	Đường Đê (đoạn từ Ngã ba giao Đường tỉnh 871 đến Công sông Cần Lộc)			1,0
5	Đường Đê cũ (đoạn từ công sông Cần Lộc đến ngã ba đường Chùa)			1,0
6	Đường Kênh Rác (từ hẻm 3 - đến hẻm 6)			1,0
7	Đường vào Hải đội 2 (đoạn từ đê đến Hải đội 2)			1,0
8	Các vị trí còn lại			1,0

10. Đối với huyện Tân Phú Đông:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.

b) Đối với đất phi nông nghiệp tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

c) Đối với đất phi nông nghiệp tại các tuyến đường giao thông chính:

* Đất phi nông nghiệp tại vị trí mặt tiền đường tỉnh

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
1	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Phú Thạnh	- Đầu đường kênh đê bao Bãi Bùn (tim đê)	- Kênh Ba Góc	1,2
		- Đê bao Bãi Bùn (tim đê)	- Cầu Tư Xuân	1,2
		- Kênh Ba Góc	- Kênh Nhiêm	
		- Cầu Cả Thu	- Đường Bà Lắm	1,2

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		- Huyện đội	- Cầu Cả thu	1,2
		- Cầu Tư Xuân	- Huyện đội	1,2
		- Đường Bà Lắm	- Cầu Bà Lắm	
2	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Tân Phú	- Ranh đất phía Đông nhà ông Nguyễn Thế Soạn	- Đường vào Miếu ấp Tân Ninh	1,0
		- Ranh đất phía Tây nhà ông Lê Văn Tuấn	- Đường thầy Thương	1,0
		- Ranh đất phía Tây Trường TH ấp Tân Thạnh	- Đường Ba Tính	
		- Ranh đất phía Tây trường TH ấp Tân Thạnh	- Ranh đất phía Đông nhà ông Nguyễn Thế Soạn	1,0
		- Đường Ba Tính	- Ranh đất phía Tây nhà ông Lê Văn Tuấn.	
		- Đường thầy Thương	- Cầu Kênh Nhiêm	
		- Đất ở mặt tiền đoạn còn lại Đường tỉnh 877B		1,0
3	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Tân Thới	- Ngã ba giao đường ra bến Lữ	- Ngã ba giao Đường huyện 15B	1,0
		- Ngã ba giao Đường huyện 15B	- Đường đan vào nhà Năm Vân	1,0
		- Ngã ba giao đường ra bến Lữ	- Ngã ba giao Đường vào chùa Kim Thuyền	
		- Ngã ba giao Đường vào chùa Kim Thuyền	- Cầu Rạch Cầu	1,0
		- Đường đan vào nhà Năm Vân	- Giao Đường ra bến phà Bình Ninh	1,0
		- Đất ở mặt tiền đoạn còn lại Đường tỉnh 877B		
4	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Phú Đông	- Cạnh phía Tây trường THCS Phú Đông	- Cạnh phía Đông Trạm Y tế Phú Đông	1,0

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
		- Cạnh phía Tây trường THCS Phú Đông	- Cạnh phía Tây cây xăng Tân Thạnh	1,0
		- Cạnh phía Đông Trạm Y tế Phú Đông	- Cạnh phía Đông nhà hộ ông Huỳnh Văn Quý	
		- Đất ở mặt tiền đoạn còn lại Đường tỉnh 877B		1,0
5	Đường tỉnh 877B thuộc phạm vi xã Phú Tân	- Cầu Bà Từ	- Hết ranh đất cây xăng Hồng Nhung	1,0
		- Ranh đất phía Tây nhà bà Nguyễn Thị Hiệp	- Cạnh phía đông nhà nuôi yến của ông Nguyễn Văn Sơn	1,0
		- Ranh đất cây xăng Hồng Nhung	- Ranh đất phía Tây bà Nguyễn Thị Hiệp	1,0
		- Đất ở mặt tiền đoạn còn lại Đường tỉnh 877B		1,0

*** Đất phi nông nghiệp tại vị trí mặt tiền đường huyện**

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất
1	Đất mặt tiền đường vào Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Phú Đông (đường số 5)	1,0
2	- Đất ở mặt tiền ĐH.84E (ĐH.17 cũ)	1,2
3	- Đất ở mặt tiền ĐH.84 (từ bến phà Bình Ninh đến ĐT 877B)	1,0
	- Đất ở mặt tiền ĐH.85 (ĐH.07 cũ)	
	- Đất ở mặt tiền ĐH.84B (ĐH.15B cũ)	
	- Đất ở mặt tiền ĐH.84F (đoạn thuộc xã Tân Thới)	
	- Đất ở mặt tiền ĐH.85E (đường Lý Quàn 2)	
	- Đất ở tiếp giáp chợ nông thôn	
4	- Đất ở mặt tiền ĐH.84C (đường ra bên đò Rạch Vách)	1,0
5	- Đất ở mặt tiền ĐH.84D (đoạn thuộc xã Tân Phú)	1,0
6	- Đất ở mặt tiền ĐH.83C đoạn đã đầu tư (đường trung tâm xã Tân Thạnh thuộc xã Tân Thạnh)	1,0
	- Đất ở mặt tiền ĐH.84F (đoạn thuộc xã Tân Thạnh)	

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất
	- Đất ở mặt tiền ĐH.84D (đoạn thuộc xã Tân Thạnh)	
7	- Đất ở mặt tiền ĐH.85D (đường Pháo Đài)	1,0
8	- Đất mặt tiền đường huyện 83 (đoạn từ ĐH 84E đến ĐH 85)	1,0

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

2. Cục Thuế tỉnh thu tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất. Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giải đáp thắc mắc, giải quyết khiếu nại về thu, nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường xác định địa điểm, vị trí, diện tích, loại đất, mục đích sử dụng đất, thời điểm bàn giao đất thực tế (đối với trường hợp được giao đất trước ngày Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành) làm cơ sở để cơ quan thuế xác định tiền sử dụng đất phải nộp.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với hộ gia đình và cá nhân./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ^{17/12}
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa